

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 53 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 03 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 33

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024;

Xét Tờ trình số 11669/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp, số kinh phí: 583.678 triệu đồng (Năm trăm tám mươi ba tỷ, sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVIII, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Dân tộc và Tôn giáo, Tài chính (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,
- Thị hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu



Phụ lục 01

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

(Kèm theo Nghị quyết số: 53/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

DVT: Đồng

STT	Tên Dự án/Tiểu dự án	Kinh phí được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND	Kinh phí điều chỉnh	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG	584.532.000.000	583.678.000.000	78.927.000.000	11.988.000.000	1.570.000.000	490.605.000.000	588.000.000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	5.643.000.000	5.643.000.000				5.643.000.000		Chi tiết tại Phụ lục 02
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	92.602.000.000	92.602.000.000				92.602.000.000		Chi tiết tại Phụ lục 03
2.1	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	92.602.000.000	92.602.000.000				92.602.000.000		
	- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	92.602.000.000	92.602.000.000				92.602.000.000		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	389.019.000.000	389.019.000.000				389.019.000.000		Chi tiết tại Phụ lục 04
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	389.019.000.000	389.019.000.000				389.019.000.000		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	78.927.000.000	78.927.000.000	78.927.000.000					Chi tiết tại Phụ lục 05
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	78.927.000.000	78.927.000.000	78.927.000.000					
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	9.828.000.000	9.024.000.000		9.024.000.000				Chi tiết tại Phụ lục 06
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	1.570.000.000	1.570.000.000			1.570.000.000			Chi tiết tại Phụ lục 07

STT	Tên Dự án/Tiểu dự án	Kinh phí được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND	Kinh phí điều chỉnh	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp					Ghi chú
				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	200.000.000	200.000.000					200.000.000	Chi tiết tại Phụ lục 08
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	3.388.000.000	3.388.000.000				3.000.000.000	388.000.000	Chi tiết tại Phụ lục 09
8.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	3.000.000.000	3.000.000.000				3.000.000.000		
8.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	388.000.000	388.000.000					388.000.000	
9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	3.355.000.000	3.305.000.000		2.964.000.000		341.000.000		Chi tiết tại Phụ lục 10
9.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điểm hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào	1.104.000.000	1.104.000.000		1.104.000.000				
9.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.910.000.000	1.860.000.000		1.860.000.000				
9.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	341.000.000	341.000.000				341.000.000		

Phụ lục 02

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

(Kèm theo Nghị quyết số: 53/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

DVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh				Kinh phí điều chỉnh			
	Địa phương	Tổng cộng	Nội dung: Chuyển đổi nghề	Nội dung: Nước sinh hoạt phân tán	Địa phương	Tổng cộng	Nội dung: Chuyển đổi nghề	Nội dung: Nước sinh hoạt phân tán
		5.643.000.000	1.800.000.000	3.843.000.000		5.643.000.000	1.800.000.000	3.843.000.000
I	Huyện Con Cuông (cũ)	207.000.000		207.000.000	-	207.000.000	-	207.000.000
1					Xã Môn Sơn	75.000.000		75.000.000
2					Xã Châu Khê	105.000.000		105.000.000
3					Xã Cam Phục	15.000.000		15.000.000
4					Xã Bình Chuẩn	12.000.000		12.000.000
II	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	2.700.000.000	1.800.000.000	900.000.000		2.700.000.000	1.800.000.000	900.000.000
1					Xã Quỳnh Châu	394.000.000	229.000.000	165.000.000
2					Xã Châu Tiến	405.000.000		405.000.000
3					Xã Hùng Chân	577.000.000	247.000.000	330.000.000
4					Xã Châu Bình	1.324.000.000	1.324.000.000	
III	Huyện Quỳnh Hợp (cũ)	2.736.000.000		2.736.000.000		2.736.000.000	-	2.736.000.000
1					Xã Quỳnh Hợp	336.000.000		336.000.000
2					Xã Tam Hợp	297.000.000		297.000.000
5					Xã Mường Ham	924.000.000		924.000.000
6					Xã Mường Chộng	435.000.000		435.000.000



Phụ lục 03

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

(Kèm theo Nghị quyết số: 53 /NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

DVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Đơn vị/Địa phương	Kinh phí	Đơn vị/Địa phương	Kinh phí
	TỔNG CỘNG	92.602.000.000		92.602.000.000
I	Huyện Tương Dương (cũ)	39.906.000.000		39.906.000.000
1			Xã Tương Dương	2.730.000.000
2			Xã Tam Quang	500.000.000
3			Xã Tam Thái	1.860.000.000
4			Xã Lượng Minh	6.196.000.000
5			Xã Yên Na	7.320.000.000
6			Xã Yên Hòa	5.100.000.000
7			Xã Nga My	5.530.000.000
8			Xã Hữu Khuông	3.510.000.000
9			Xã Nhôn Mai	7.160.000.000
II	Huyện Con Cuông (cũ)	20.000.000.000		20.000.000.000
1			Xã Con Cuông	415.000.000
2			Xã Môn Sơn	5.660.000.000
3			Xã Châu Khê	4.202.000.000
4			Xã Cam Phục	2.984.000.000
5			Xã Mậu Thạch	5.245.000.000
6			Xã Bình Chuẩn	1.494.000.000
III	Huyện Thanh Chương (cũ)	4.000.000.000		4.000.000.000
1			Xã Sơn Lâm	4.000.000.000
IV	Huyện Tân Kỳ (cũ)	466.000.000		466.000.000
1			Xã Tiên Đồng	466.000.000
V	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	28.230.000.000		28.230.000.000
1			Xã Quỳnh Châu	10.776.454.000
2			Xã Châu Tiến	5.039.844.000
3			Xã Hùng Chân	8.408.072.000
4			Xã Châu Bình	4.005.630.000



Phụ lục 04

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

(Kèm theo Nghị quyết số: 53/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

ĐVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương	Kinh phí	Địa phương	Kinh phí
	Tổng cộng	389.019.000.000		389.019.000.000
I	Huyện Tương Dương (cũ)	101.705.000.000		101.705.000.000
1			Xã Tương Dương	9.693.000.000
2			Xã Tam Quang	4.700.000.000
3			Xã Tam Thái	8.325.000.000
4			Xã Lượng Minh	7.550.000.000
5			Xã Yên Na	16.198.000.000
6			Xã Yên Hòa	15.779.000.000
7			Xã Nga My	16.992.000.000
8			Xã Hữu Khuông	5.702.000.000
9			Xã Nhân Mai	16.766.000.000
II	Huyện Con Cuông (cũ)	72.527.000.000		72.527.000.000
1			Xã Con Cuông	3.354.000.000
2			Xã Môn Sơn	16.368.000.000
3			Xã Châu Khê	16.308.000.000
4			Xã Cam Phục	13.217.000.000
5			Xã Mậu Thạch	15.337.000.000
6			Xã Bình Chuẩn	7.943.000.000
III	Huyện Anh Sơn (cũ)	8.102.000.000		8.102.000.000
1			Xã Vĩnh Tường	8.102.000.000
IV	Huyện Thanh Chương (cũ)	16.979.000.000		16.979.000.000
1			Xã Sơn Lâm	16.979.000.000
V	Huyện Tân Kỳ (cũ)	1.351.000.000		1.351.000.000
1			Xã Tân An	1.351.000.000
VI	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	54.950.000.000		54.950.000.000

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương	Kinh phí	Địa phương	Kinh phí
1			Xã Quỳ Châu	19.125.000.000
2			Xã Châu Tiến	12.330.000.000
3			Xã Hùng Chân	18.245.000.000
4			Xã Châu Bình	5.250.000.000
VII	Huyện Quỳ Hợp (cũ)	119.378.000.000		119.378.000.000
1			Xã Quỳ Hợp	9.570.000.000
2			Xã Tam Hợp	10.618.000.000
3			Xã Châu Lộc	17.650.000.000
4			Xã Châu Hồng	24.660.000.000
5			Xã Mường Ham	19.230.000.000
6			Xã Mường Chộng	22.820.000.000
7			Xã Minh Hợp	14.830.000.000
VIII	Huyện Nghĩa Đàn (cũ)	14.027.000.000		14.027.000.000
1			Xã Nghĩa Thọ	5.033.000.000
2			Xã Nghĩa Lâm	4.250.000.000
3			Xã Nghĩa Mai	2.150.000.000
4			Xã Nghĩa Hưng	1.844.000.000
5			Xã Nghĩa Khánh	750.000.000



Phụ lục 05

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi
(Kèm theo Nghị quyết số: 53/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

ĐVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương	Kinh phí	Địa phương	Kinh phí
	Tổng cộng	78.927.000.000		78.927.000.000
I	Huyện Tương Dương (cũ)	40.406.000.000		40.406.000.000
1			Xã Tương Dương	6.709.000.000
			Trường PTDTNT THCS Tương Dương	1.303.000.000
			Trường PTDTBT TH Lưu Kiền	1.764.000.000
			Trường PTDTBT THCS Lưu Kiền	1.828.000.000
			Trường THCS Xá Lượng	1.814.000.000
2			Xã Tam Quang	1.639.000.000
			Trường THCS Tam Quang	1.639.000.000
3			Xã Tam Thái	1.437.000.000
			Trường PTDTBT THCS Tam Hợp	1.437.000.000
4			Xã Lượng Minh	3.645.000.000
			Trường PTDTBT THCS Lượng Minh	1.867.000.000
			Trường PTDTBT TH Lượng Minh	1.778.000.000
5			Xã Yên Na	6.791.000.000
			Trường PTDTBT THCS Yên Na	1.907.000.000
			Trường PTDTBT TH Yên Na	1.415.000.000
			Trường PTDTBT TH Yên Tĩnh	1.982.000.000
			Trường PTDTBT THCS Yên Tĩnh	1.487.000.000
6			Xã Yên Hòa	6.396.000.000
			Trường THCS Yên Hòa	1.503.000.000
			Trường PTDTBT TH Yên Hòa	1.676.000.000
			Trường PTDTBT TH Yên Thắng	1.689.000.000
			Trường PTDTBT THCS Yên Thắng	1.528.000.000
7			Xã Nga My	3.241.000.000
			Trường PTDTBT TH Nga My	1.828.000.000
			Trường PTDTBT THCS Nga My	1.413.000.000
8			Xã Hữu Khuông	3.331.000.000
			Trường PTDTBT THCS Hữu Khuông	1.610.000.000
			Trường PTDTBT TH Hữu Khuông	1.721.000.000
9			Xã Nhôn Mai	7.217.000.000
			Trường PTDTBT THCS Nhôn Mai	1.962.000.000
			Trường PTDTBT TH Nhôn Mai	1.721.000.000
			Trường PTDTBT THCS Mai Sơn	1.834.000.000
			Trường PTDTBT TH Mai Sơn	1.700.000.000
II	Huyện Con Cuông (cũ)	21.353.000.000		21.353.000.000
1			Xã Con Cuông	5.355.930.000

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
			Trường THCS Yên Khê	1.395.930.000
			Trường THCS DTNT Con Cuông	3.960.000.000
2			Xã Môn Sơn	5.626.700.000
			Trường TH Lục Dạ	1.584.720.000
			Trường THCS Lục Dạ	1.029.090.000
			Trường TH1 Môn Sơn	998.390.000
			Trường TH2 Môn Sơn	757.170.000
			Trường THCS Môn Sơn	1.257.330.000
3			Xã Châu Khê	4.124.530.000
			Trường TH Châu Khê	977.180.000
			Trường PTDTBT THCS Châu Cam	2.932.380.000
			Trường TH Lạng Khê	214.970.000
4			Xã Cam Phục	3.118.910.000
			Trường PTDTBT TH Đôn Phục	1.822.640.000
			Trường PTDTBT TH Cam Lâm	1.296.270.000
5			Xã Mậu Thạch	2.149.080.000
			Trường TH Thạch Ngàn	503.700.000
			Trường PTDTBT THCS Thạch Ngàn	1.645.380.000
6			Xã Bình Chuẩn	977.850.000
			Trường TH Bình Chuẩn	785.590.000
			Trường THCS Bình Chuẩn	192.260.000
III	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	5.668.000.000		5.668.000.000
1			Xã Quỳnh Châu	2.587.897.000
			Trường PTDTNT THCS Quỳnh Châu	800.000.000
			Trường PTDTBT TH Châu Hội	907.897.000
			Trường PTDTBT THCS Hội Nga	880.000.000
2			Xã Châu Tiến	900.000.000
			Trường PTDTBT THCS Bình Thuận	900.000.000
3			Xã Hùng Chân	1.530.000.000
			Trường PTDTBT THCS Châu Phong	720.000.000
			Trường THCS Hoàn Lãm	810.000.000
4			Xã Châu Bình	650.103.000
			Trường THCS Châu Bình	650.103.000
IV	Huyện Quỳnh Hợp (cũ)	11.500.000.000		11.500.000.000
1			Xã Quỳnh Hợp	3.130.170.000
			Trường PTDTNT THCS Quỳnh Hợp	1.221.564.000
			Trường THCS Châu Đình	1.034.182.000
			Trường TH Châu Đình	874.424.000
2			Xã Tam Hợp	257.500.000
			Trường THCS Yên Hợp	257.500.000
3			Xã Châu Lộc	1.853.242.000
			Trường PTDTBT THCS Châu Lộc	1.066.961.000
			Trường TH Châu Lộc	786.281.000
4			Xã Châu Hồng	2.392.939.000
			Trường PTDTBT THCS Hồng Tiến	482.961.000
			Trường PTDTBT THCS Châu Thành	763.627.000
			Trường PTDTBT TH Châu Thành	1.146.351.000
5			Xã Mường Ham	1.822.768.000
			Trường THCS Châu Cường	301.726.000

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
			Trường TH Châu Cường	975.670.000
			Trường THCS Châu Thái	545.372.000
6			Xã Mường Chộng	1.018.090.000
			Trường PTDTBT THCS Châu Lý	1.018.090.000
7			Xã Minh Hợp	1.025.291.000
			Trường THCS Văn Sơn	1.025.291.000

Phụ lục 06

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

(Kèm theo Nghị quyết số: 53/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

DVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương	Kinh phí	Địa phương	Kinh phí
	Tổng cộng	9.828.000.000		9.024.000.000
I	Huyện Con Cuông (cũ)	1.000.000.000		1.000.000.000
1			Xã Con Cuông	180.000.000
2			Xã Môn Sơn	180.000.000
3			Xã Châu Khê	180.000.000
4			Xã Cam Phục	180.000.000
5			Xã Mậu Thạch	180.000.000
6			Xã Bình Chuẩn	100.000.000
II	Huyện Tân Kỳ (cũ)	1.800.000.000		1.800.000.000
1			Xã Tân Kỳ	50.000.000
2			Xã Tiên Đông	450.000.000
3			Xã Giai Xuân	500.000.000
4			Xã Tân An	200.000.000
5			Xã Nghĩa Đồng	50.000.000
6			Xã Tân Phú	400.000.000
7			Xã Nghĩa Hành	150.000.000
III	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	4.058.000.000		4.058.000.000
1			Xã Quỳnh Châu	999.116.000
2			Xã Châu Tiến	1.080.252.000
3			Xã Hùng Chân	1.018.716.000
4			Xã Châu Bình	959.916.000
IV	Huyện Quỳnh Hợp (cũ)	1.362.000.000		558.000.000
1			Xã Tam Hợp	258.000.000
2			Xã Châu Hồng	50.000.000
3			Xã Mường Ham	50.000.000
4			Xã Mường Chộng	150.000.000
5			Xã Minh Hợp	50.000.000
V	Huyện Nghĩa Đàn (cũ)	1.285.000.000		1.285.000.000
1			Xã Nghĩa Đàn	100.000.000
2			Xã Nghĩa Thọ	150.000.000
3			Xã Nghĩa Lâm	250.000.000
4			Xã Nghĩa Mai	235.000.000

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
5			Xã Nghĩa Hưng	250.000.000
6			Xã Nghĩa Khánh	200.000.000
7			Xã Nghĩa Lộc	100.000.000
VI	Thị xã Thái Hòa (cũ)	323.000.000		323.000.000
1			Phường Thái Hòa	323.000.000



Phụ lục 07

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

(Kèm theo Nghị quyết số: **53** /NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

ĐVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương	Kinh phí	Địa phương	Kinh phí
	Tổng cộng	1.570.000.000		1.570.000.000
I	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	1.570.000.000		1.570.000.000
1			Xã Quỳnh Châu	504.338.000
2			Xã Châu Tiến	460.097.000
3			Xã Hùng Chân	369.368.000
4			Xã Châu Bình	236.197.000



Phụ lục 08

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

(Kèm theo Nghị quyết số: **53** /NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

DVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương	Kinh phí	Địa phương	Kinh phí
	Tổng cộng	200.000.000		200.000.000
I	Huyện Nghĩa Đàn (cũ)	200.000.000		200.000.000
1			Xã Nghĩa Thọ	46.000.000
2			Xã Nghĩa Lâm	44.000.000
3			Xã Nghĩa Mai	66.000.000
4			Nghĩa Khánh	44.000.000

Phụ lục 09

**Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị,
địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp**

(Kèm theo Nghị quyết số: 53 /NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

**Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù; Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng
tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

DVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh				Kinh phí điều chỉnh			
	Địa phương	Tổng cộng	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Địa phương	Tổng cộng	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2
	Tổng cộng	3.388.000.000	3.000.000.000	388.000.000		3.388.000.000	3.000.000.000	388.000.000
I	Huyện Con Cuông (cũ)	3.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000	3.000.000.000	-
1					Xã Môn Sơn	3.000.000.000	3.000.000.000	
II	Huyện Tân Kỳ (cũ)	19.000.000		19.000.000		19.000.000		19.000.000
1	Xã Tân An				Xã Tân An	19.000.000		19.000.000
III	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	352.000.000		352.000.000		352.000.000	-	352.000.000
1					Xã Quỳnh Châu	112.000.000		112.000.000
2					Xã Châu Tiến	100.000.000		100.000.000
3					Xã Hùng Chân	95.000.000		95.000.000
4					Xã Châu Bình	45.000.000		45.000.000
IV	Thị xã Thái Hòa (cũ)	17.000.000		17.000.000		17.000.000	-	17.000.000
1					Phường Tây Hiếu	17.000.000		17.000.000



Phụ lục 10

Điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị,

(Kèm theo Nghị quyết số: 53/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tiểu dự án 3:

Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

ĐVT: Đồng

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương/Đơn vị	Kinh phí	Địa phương/Đơn vị	Kinh phí
A	TIỂU DỰ ÁN 1	1.104.000.000		1.104.000.000
I	Huyện Tân Kỳ (cũ)	554.000.000		554.000.000
1			Xã Tiên Đồng	130.000.000
2			Xã Giai Xuân	140.000.000
3			Xã Tân Phú	110.000.000
4			Xã Tân Kỳ	25.000.000
5			Xã Nghĩa Đồng	24.000.000
6			Xã Nghĩa Hành	40.000.000
7			Xã Tân An	85.000.000
II	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	500.000.000		500.000.000
1			Xã Quỳnh Châu	151.000.000
2			Xã Châu Tiến	142.000.000
3			Xã Hùng Chân	110.000.000
4			Xã Châu Bình	97.000.000
III	Thị xã Thái Hòa (cũ)	50.000.000		50.000.000
1			Phường Thái Hòa	32.000.000
2			Phường Tây Hiếu	18.000.000
B	TIỂU DỰ ÁN 2	1.910.000.000	-	1.860.000.000
I	Huyện Quỳnh Châu (cũ)	960.000.000		960.000.000
1			Xã Quỳnh Châu	240.000.000
2			Xã Châu Bình	240.000.000
3			Xã Châu Tiến	240.000.000
4			Xã Hùng Chân	240.000.000
II	Huyện Quỳnh Hợp (cũ)	950.000.000		900.000.000
1			Xã Châu Hồng	150.000.000

TT	Kinh phí điều chỉnh được phân bổ tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh		Kinh phí điều chỉnh	
	Địa phương/Đơn vị	Kinh phí	Địa phương/Đơn vị	Kinh phí
2			Xã Quỳnh Hợp	150.000.000
3			Xã Mường Chộng	450.000.000
4			Xã Mường Ham	150.000.000
C	TIỂU DỰ ÁN 3	341.000.000		341.000.000
I	Huyện Tân Kỳ (cũ)	80.000.000		80.000.000
1			Xã Tiên Đồng	17.000.000
2			Xã Giai Xuân	17.000.000
3			Xã Tân Phú	18.000.000
4			Xã Tân Kỳ	5.000.000
5			Xã Nghĩa Đồng	5.000.000
6			Xã Nghĩa Hành	6.000.000
7			Xã Tân An	12.000.000
II	Huyện Nghĩa Đàn (cũ)	211.000.000		211.000.000
1			Xã Nghĩa Đàn	14.000.000
2			Xã Nghĩa Thọ	42.000.000
3			Xã Nghĩa Lâm	42.000.000
4			Xã Nghĩa Mai	28.000.000
5			Xã Nghĩa Hưng	42.000.000
6			Xã Nghĩa Khánh	28.000.000
7			Xã Nghĩa Lộc	15.000.000
III	Thị xã Thái Hòa (cũ)	50.000.000		50.000.000
1			Phường Thái Hòa	25.000.000
2			Phường Tây Hiếu	25.000.000